

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường
đến năm 2020 tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 87/2009/QĐ-TTg ngày 17/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương - Dự toán xây dựng Chiến lược Bảo vệ môi trường đến năm 2020 tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 430/TTr-STNMT ngày 17/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược Bảo vệ môi trường đến năm 2020 tỉnh Đắk Lắk”, với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo:

- Bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững. Chiến lược Bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Lắk là bộ phận cấu thành không tách rời của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nhằm đảm bảo hài hoà giữa khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, giữ vững cân bằng sinh thái.

- Ưu tiên phòng ngừa ô nhiễm môi trường là chính, kết hợp với xử lý và kiểm soát ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, tính đến yếu tố tác động của biến đổi khí hậu theo đặc thù của địa phương và tiến hành có trọng tâm, trọng điểm; áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng, giảm thiểu chất thải.

- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, các cấp, các ngành và các tổ chức, hộ gia đình và mọi công dân trong tỉnh; phải tích cực huy động sự tham gia của mọi tầng lớp trong xã hội, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường;

- Bảo vệ môi trường phải trên cơ sở tăng cường quản lý Nhà nước, thể chế và pháp luật đi đôi với nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mọi người dân và toàn xã hội.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; tổ chức tuyên truyền, giáo dục và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân tại địa phương. Đầu tư và sử dụng có hiệu quả kinh phí sự nghiệp môi trường, đồng thời tranh thủ nguồn lực từ hợp tác quốc tế và các nguồn vốn xã hội khác nhằm phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu đến năm 2020:

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Kiểm soát, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; gìn giữ và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn duy trì hệ sinh thái địa phương và đa dạng sinh học vốn có; nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

- Phòng ngừa ô nhiễm môi trường ngay từ khâu lập và phê duyệt các quy hoạch, dự án đầu tư, đảm bảo các quy hoạch, dự án đầu tư phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Nâng cao nghiệp vụ về quản lý môi trường, kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải cho cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường của tỉnh, đặc biệt là cán bộ cấp huyện và cấp xã.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a. Đảm bảo cân bằng sinh thái, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

- Giữ được diện tích các khu bảo tồn, các hệ sinh thái tự nhiên hiện có. Các nguồn gen quý hiếm, nguồn gen bản địa thuộc địa bàn tỉnh được bảo tồn 100%, phát huy giá trị đa dạng sinh học.

- Hoàn thành 80% công tác phục hồi cảnh quan môi trường và chuyển mục đích sử dụng đất tại các khu vực khai thác khoáng sản ngay sau khi kết thúc việc khai thác.

- Ban hành các quy định cụ thể về thăm dò, khai thác, sử dụng và xả thải vào nguồn nước; tổ chức điều tra cơ bản, đánh giá cụ thể về các nguồn tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác trồng rừng, nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 53 - 54%.

- Nâng diện tích đất cây xanh khu đô thị, đạt 10-12 m²/người.

- Nâng tỷ lệ sử dụng năng lượng sạch đạt 5% tổng năng lượng tiêu thụ.

b. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường:

- Các dự án chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư phải được thẩm định, phê duyệt hoặc xác nhận hồ sơ môi trường theo quy định.

- Giám về cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường; nâng tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, tái chế, tái sử dụng.

- Khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm.

- Phân đầu thực hiện một số chỉ tiêu: 100% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường; 70% cơ sở sản xuất, kinh doanh mới phải áp dụng công nghệ sạch và trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; 80% cơ sở chăn nuôi tập trung phải có sử dụng chuồng trại hợp vệ sinh; Nâng tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom đạt 95% trong đó 50% được tái chế, tái sử dụng hoặc thu hồi năng lượng, sản xuất phân bón; từng bước giảm dần, tiến tới loại bỏ sản xuất và sử dụng túi nilông vào năm 2020; 85% các huyện, thị, thành phố có điểm chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh/ khu xử lý rác tập trung và có đơn vị thu gom và vận chuyển chất thải về nơi chôn lấp an toàn.

c. Cải thiện chất lượng môi trường:

- Hoàn thành 80% hệ thống thoát nước thải đô thị tách riêng hệ thống thoát nước mưa tại thành phố Buôn Ma Thuột.

- Phục hồi 80% chất lượng nguồn nước ao hồ, sông, suối đoạn sông chảy qua các đô thị đã bị ô nhiễm và suy thoái nghiêm trọng.

- 90% dân số đô thị và trên 70% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch cho sinh hoạt và trên 95% hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh; thu gom và xử lý 85% rác thải sinh hoạt.

- 85% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn lao động.

- Xử lý 80% các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; di dời toàn bộ các cơ sở kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực đô thị và khu vực dân cư.

- Tổ chức công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường.

d. Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu:

- Nghiên cứu các giải pháp thích ứng suy giảm mực nước ngầm vùng Tây Nguyên đến năm 2020.

- Xây dựng kế hoạch ưu tiên thực hiện khai thác nguồn nước mặt, khai thác sử dụng nguồn nước ngầm hợp lý và từng bước giảm lưu lượng khai thác nước ngầm tại các đô thị lớn.

- Phát triển mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn có mật độ trạm cao và tự động hóa; đáp ứng đầy đủ dữ liệu cho dự báo khí tượng thủy văn theo phương pháp tiên tiến.

e. Tăng cường năng lực quản lý môi trường:

- Kiện toàn cơ quan quản lý môi trường, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh. Phát triển hoàn thiện hệ thống quản lý và cung cấp thông tin dữ liệu về hiện trạng tài nguyên và môi trường.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

- Từng bước kiện toàn lực lượng cảnh sát bảo vệ môi trường theo quy hoạch và kế hoạch chung của tỉnh trong giai đoạn đến năm 2020.

f. Giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường:

- Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân trong công tác bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và phát triển các phong trào quần chúng về bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về các sự kiện môi trường hàng năm, xây dựng các công trình trình diễn điển hình về bảo vệ môi trường.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

- Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học trong mọi hoạt động khai thác đảm cân bằng sinh thái.

- Phòng ngừa, kiểm soát và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên đang tồn đọng và từng bước cải thiện chất lượng môi trường.

- Nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững tại địa phương.

- Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cộng đồng về bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

II. ĐỊNH HƯỚNG CÁC NỘI DUNG, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chiến lược về thể chế chính sách:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu hoàn thiện thể chế về quản lý môi trường.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu quản lý và khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả công tác quản lý môi trường.

d. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức cá nhân, tập thể tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý môi trường của tỉnh.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu thu hút nhân tài trong nghiên cứu khoa học môi trường tại địa phương.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng nhân lực trong công tác quản lý môi trường.

3. Chiến lược xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật về xử lý môi trường:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu hoàn thiện cơ sở vật chất cho cơ quan quản lý môi trường cấp địa phương.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu hoàn thiện các công trình xử lý môi trường.

4. Chiến lược về huy động nguồn lực tài chính

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu các dự án ưu tiên được đầu tư kinh phí từ nguồn vốn ngân sách.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường đầu tư kinh phí từ nguồn vốn ngân sách.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu huy động nguồn tài chính từ các đối tượng khác.

d. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu xây dựng cơ chế xã hội hóa nguồn lực về bảo vệ môi trường.

5. Chiến lược về truyền thông môi trường

5.1. Giáo dục truyền thông môi trường, nâng cao nhận thức cộng đồng:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ tại địa phương.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư.

5.2. Huy động cộng đồng bảo vệ môi trường:

6. Chiến lược về phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường; khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

6.1. Chiến lược bảo vệ môi trường trong các khu, cụm công nghiệp tập trung:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu cải tạo phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái môi trường.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu giảm các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao tỷ lệ các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

6.2. Chiến lược bảo vệ môi trường hoạt động sản xuất xen lẫn khu dân cư:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu cải tạo phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái môi trường.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu quản lý chất thải rắn hiệu quả tại cơ sở sản xuất.

6.3. Chiến lược bảo vệ môi trường trong khu đô thị, khu dân cư:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu cải tạo phục hồi các khu vực có khả năng bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trong khu dân cư.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao tỷ lệ các khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

d. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu quản lý chất thải rắn hiệu quả trong khu dân cư.

6.4. Chiến lược bảo vệ môi trường trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

6.5. Chiến lược bảo vệ môi trường trong các bệnh viện, cơ sở y tế:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

6.6. Chiến lược bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao nhận thức quản lý môi trường cho đơn vị kinh doanh.

6.7. Chiến lược bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực quản lý môi trường cho hoạt động chăn nuôi.

6.8. Chiến lược bảo vệ môi trường trong hoạt động trồng trọt:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất theo hướng bền vững.

6.9. Chiến lược bảo vệ môi trường trong hoạt động lâm nghiệp:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu bảo vệ tài nguyên rừng bền vững.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu đảm bảo cân bằng sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học.

c. Nhóm nhiệm vụ, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng tỷ lệ che phủ của rừng và nâng cao chất lượng rừng.

6.10. Chiến lược bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu giảm tác động lên môi trường từ hoạt động xây dựng, khai thác khoáng sản.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu giảm tác động lên môi trường từ hoạt động xây dựng, vận hành các công trình thủy điện.

c. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu giảm tác động lên môi trường từ hoạt động xây dựng các công trình giao thông.

d. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu giảm tác động lên môi trường từ hoạt động xây dựng các công trình khác.

6.11. Chiến lược bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch:

a. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao tỷ lệ quản lý môi trường trong hoạt động du lịch.

b. Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu khai thác bền vững các khu du lịch sinh thái.

7. Đề xuất danh mục các chương trình trọng điểm ưu tiên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh

7.1. Các chương trình trọng điểm ưu tiên cần thiết phải thực hiện đến năm 2020:

- Chương trình 1: Nâng cao nhận thức môi trường của cộng đồng về bảo vệ môi trường.

- Chương trình 2: Đào tạo, nâng cao năng lực quản lý môi trường của cơ quan quản lý Nhà nước.

- Chương trình 3: Hạn chế gia tăng ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường sống của người dân.

- Chương trình 4: Triển khai dự án đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

- Chương trình 5: Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Chương trình 6: Quan trắc, cảnh báo ô nhiễm môi trường.

- Chương trình 7: Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Chương trình 8: Ứng phó biến đổi khí hậu.

7.2. Đề xuất danh mục các dự án ưu tiên triển khai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:

Danh mục các dự án ưu tiên triển khai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, gồm 45 dự án với tổng kinh phí đề xuất là 154,7 tỷ đồng (Danh mục cụ thể được nêu trong Danh mục các dự án ưu tiên triển khai để bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh của Chiến lược Bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, ban hành kèm theo Quyết định này).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức đoàn thể và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Chiến lược; theo dõi, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện Chiến lược; định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chiến lược.

3. Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức

thực hiện các nội dung của Chiến lược; định kỳ hàng năm tổ chức tổng kết tình hình thực hiện, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

4. Các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư có trách nhiệm tham gia bảo vệ môi trường, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; (báo cáo)
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Website của tỉnh; Công báo, TT tin học;
- Lưu: VT, NNMT (Th 906).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Khiết